

Số: /KH-TTKN

Đắk Lắk, ngày 30 tháng 01 năm 2026

KẾ HOẠCH
Chuyển đổi số của Trung tâm Khuyến nông năm 2026

Thực hiện Kế hoạch số 783/KH-SNNMT ngày 27/01/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số của Sở Nông nghiệp và Môi trường năm 2026. Trung tâm Khuyến nông xây dựng Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2026 với những nội dung sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

a) Cụ thể hóa và thực hiện kịp thời, đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tại Kế hoạch 0155/KH-UBND ngày 24/12/2025 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Đắk Lắk năm 2026; Kế hoạch số 783/KH-SNNMT ngày 27/01/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường

b) Triển khai đồng bộ, hiệu quả chuyển đổi số theo Kế hoạch của Sở, góp phần xây dựng Chính quyền số, thúc đẩy kinh tế số nông nghiệp, quản lý tài nguyên – môi trường dựa trên dữ liệu số; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; phục vụ tốt hơn người dân, doanh nghiệp và yêu cầu phát triển bền vững của tỉnh Đắk Lắk.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể

2.1. Phát triển Chính quyền số, nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động

a) 100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình lĩnh vực khuyến nông đủ điều kiện được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.

b) 100% hồ sơ công việc của Trung tâm được xử lý trên môi trường điện tử (trừ hồ sơ mật) và sử dụng chữ ký số cá nhân để giải quyết công việc.

c) 80% hồ sơ được tạo, lưu giữ, chia sẻ dữ liệu điện tử theo quy định.

d) 100% kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Trung tâm được số hóa.

2.2. Bảo đảm an toàn thông tin

a) 100% hệ thống thông tin của Trung tâm được phê duyệt cấp độ an toàn theo quy định và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

b) 100% viên chức, người lao động chuyên trách công nghệ thông tin (CNTT) tại Trung tâm được tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn về kiến thức, kỹ năng an toàn thông tin, xử lý ứng cứu sự cố an toàn mạng.

c) 100% viên chức, người lao động của Trung tâm được tuyên truyền, phổ biến về thói quen, trách nhiệm và kỹ năng cơ bản bảo đảm an toàn thông tin.

III. NHIỆM VỤ

1. Tăng cường công tác chỉ đạo, điều hành; kiểm tra, giám sát hoạt động chuyển đổi số

a) Tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng về nội dung Nghị quyết số 57-NQ/TW và các văn bản có liên quan theo hướng: Đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền thông qua Cổng thông tin điện tử của Trung tâm; các nền tảng số, mạng xã hội và các phương tiện điện tử khác.... Cụ thể hóa nội dung tuyên truyền cho từng nhóm đối tượng người dân, doanh nghiệp, chính quyền các cấp.

b) Thường xuyên phổ cập, nâng cao kiến thức và kỹ năng về chuyển đổi số cho đội ngũ viên chức và người lao động của Trung tâm, nhằm nâng cao năng lực quản lý, điều hành và ứng dụng công nghệ số trong ngành.

c) Tăng cường phối hợp với các cơ quan chuyên môn trong việc triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số, chia sẻ thông tin, dữ liệu, kinh nghiệm quản lý và các mô hình ứng dụng công nghệ số tiên tiến; thúc đẩy hợp tác giữa cơ quan nhà nước với doanh nghiệp công nghệ trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

2. Thể chế, chính sách số

a) Chủ động rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật, các quy trình, tiêu chuẩn, quy chuẩn đối thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường thuộc thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền.

b) Tham gia phối hợp với các sở, ngành liên quan và các cơ quan trung ương để xây dựng đồng bộ chính sách số, tạo hành lang pháp lý thuận lợi cho việc ban hành quy định kỹ thuật về dữ liệu các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu; các quy chế, quy định về khai thác, vận hành các hệ thống, nền tảng, dữ liệu do tỉnh quản lý để tạo thuận lợi trong kết nối, chia sẻ dữ liệu.

c) Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cho đội ngũ viên chức làm công tác CNTT; ưu tiên bố trí cán bộ có trình độ CNTT làm đầu mối tham mưu chuyển đổi số các đơn vị.

d) Khuyến khích, thúc đẩy sử dụng dịch vụ công trực tuyến trong các lĩnh vực chuyên ngành, tạo thuận lợi tối đa cho nông dân, doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ chức và người dân. Phối hợp ứng dụng công nghệ số để tự động hóa quy trình, giảm thời gian xử lý hồ sơ, cung cấp dịch vụ công trực tuyến chất lượng cao, phi địa giới hành chính.

3. Hạ tầng số

a) Đầu tư, nâng cấp hệ thống mạng, trang thiết bị công nghệ thông tin (phần cứng, phần mềm, thiết bị ngoại vi, các giải pháp an toàn thông tin...)

nhằm đáp ứng yêu cầu triển khai chuyển đổi số, bảo đảm hạ tầng hoạt động ổn định, an toàn và đồng bộ.

b) Xây dựng, hoàn thiện hệ thống phòng họp không giấy, phòng họp số phục vụ nhu cầu tổ chức hội nghị trực tuyến với các cơ quan Trung ương, các sở, ngành trong tỉnh và các đơn vị trực thuộc ngành; bảo đảm chất lượng đường truyền, âm thanh, hình ảnh và yếu tố kỹ thuật đáp ứng yêu cầu họp trực tuyến quy mô lớn.

4. Nhân lực số

a. Xây dựng kế hoạch, cử viên chức và người lao động triển khai và tham gia đầy đủ các chương trình đào tạo, tập huấn do Bộ, ngành Trung ương, UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan tổ chức nhằm nâng cao kỹ năng số, kỹ năng an toàn thông tin.

b. Từng bước xây dựng đội ngũ viên chức và người lao động chuyên sâu về chuyển đổi số tại Trung tâm; bảo đảm có lực lượng chuyên trách và bán chuyên trách phục vụ triển khai các nhiệm vụ công nghệ thông tin và chuyển đổi số của ngành.

c. Viên chức và người lao động của Trung tâm phải chủ động nghiên cứu, ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) phù hợp để hỗ trợ xử lý công tác chuyên môn đảm bảo nâng cao hiệu quả công việc và nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp.

d. Tổ chức triển khai phong trào “Bình dân học vụ số” đến 100% viên chức và người lao động trong Trung tâm

5. Phát triển dữ liệu số

a. Phối hợp triển khai cơ sở dữ liệu tổng hợp về ngành nông nghiệp và môi trường; công thông tin dữ liệu mở; hệ thống Hợp không giấy trên địa bàn tỉnh.

b. Triển khai nền tảng trợ lý ảo hỗ trợ viên chức và người lao động ngành nông nghiệp và môi trường.

c. Tích hợp, chia sẻ và khai thác cơ sở dữ liệu từng lĩnh vực chuyên ngành nông nghiệp và môi trường với hệ thống cơ sở dữ liệu của tỉnh và của Bộ Nông nghiệp và Môi trường thông qua Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu dùng chung cấp tỉnh (LGSP), bảo đảm dữ liệu được kết nối thống nhất, đồng bộ và phục vụ hiệu quả công tác quản lý nhà nước.

6. An toàn thông tin mạng

a. Triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin và an ninh mạng đối với các hệ thống thông tin thuộc phạm vi quản lý của Trung tâm; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá mức độ an toàn thông tin định kỳ và đột xuất nhằm kịp thời phát hiện, xử lý các nguy cơ mất an toàn thông tin.

b. Rà soát, đầu tư thiết bị đảm bảo 100% viên chức và người lao động tại Trung tâm được trang bị máy tính làm việc, máy in, thiết bị số hóa công nghệ mới có kết nối internet phải đảm bảo được cài đặt và sử dụng giải pháp phòng, chống mã

độc, phần mềm diệt virus, công cụ giám sát an toàn thông tin theo hướng dẫn của cơ quan chuyên môn.

c. Cử viên chức chuyên trách tham gia đầy đủ các khóa đào tạo, tập huấn, diễn tập về an toàn thông tin mạng do các đơn vị chức năng tổ chức; tham gia diễn tập ứng cứu sự cố an toàn thông tin mạng cấp tỉnh; đảm bảo hoạt động mạng lưới an toàn thông tin của ngành góp phần đảm bảo an toàn thông tin của tỉnh.

7. Chính quyền số

a) Công tác cải cách thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Trung tâm:

+ Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến, phấn đấu 80% trở lên hồ sơ thủ tục hành chính, người dân chỉ phải nhập dữ liệu một lần;

+ 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính

+ 100% thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp lĩnh vực nông nghiệp và môi trường được thực hiện trực tuyến, thông suốt, liền mạch.

+ Phấn đấu ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong một số dịch vụ công trực tuyến toàn trình thiết yếu.

+ 95% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

b) Thực hiện rà soát, cập nhật hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Trung tâm đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

c) Triển khai các giải pháp để định danh và xác thực người dùng dịch vụ công trực tuyến thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở, của Trung tâm thông suốt, hợp nhất giữa các nền tảng, hệ thống cung cấp dịch vụ công trực tuyến, hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính thông qua định danh điện tử VNeID.

d) Tập trung thực hiện quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở, của Trung tâm, bảo đảm cung cấp dịch vụ công trực tuyến thuận lợi, đơn giản hơn.

e) Tăng cường áp dụng chữ ký số, số hóa hồ sơ, tài liệu chuyên ngành; đẩy mạnh việc hình thành các quy trình làm việc điện tử thống nhất trong toàn Sở, Trung tâm.

8. Nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, đảm bảo an toàn thông tin

a) Triển khai hưởng ứng, thực hiện Ngày Chuyển đổi số theo hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ. Chỉ đạo công chức, viên chức, người lao động tham gia vào kênh truyền thông chuyển đổi số quốc gia để được cập nhật kịp thời thông tin mới nhất về chuyển đổi số phục vụ công tác.

b) Đẩy mạnh tuyên truyền, tập huấn nâng cao nhận thức và kỹ năng số cho

công chức, viên chức và người lao động nhằm tăng cường khả năng ứng dụng công nghệ trong giải quyết công việc, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số ngành nông nghiệp và môi trường.

IV. GIẢI PHÁP

1. Phát huy, nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành chuyển đổi số

Tăng cường vai trò, trách nhiệm người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về chuyển đổi số và triển khai các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm, đột phá về chuyển đổi số ngành nông nghiệp và môi trường bảo đảm các mục tiêu, chỉ tiêu của tỉnh.

2. Đẩy mạnh công tác truyền thông, nâng cao nhận thức, bồi dưỡng kỹ năng số cho công chức, viên chức và người lao động

a) Tăng cường công tác truyền thông nhằm nâng cao nhận thức về chuyển đổi số cho đội ngũ viên chức và người lao động; tổ chức tuyên truyền đa dạng hình thức, phù hợp từng nhóm đối tượng, gắn với nhiệm vụ cải cách hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin.

b) Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số thông qua các lớp tập huấn chuyên đề, chương trình “Học tập số”, “Bình dân học vụ số”, các khóa đào tạo trực tuyến; khuyến khích công chức, viên chức và người lao động chủ động học tập, nâng cao năng lực sử dụng các nền tảng số trong thực thi nhiệm vụ.

3. Nghiên cứu, hợp tác để làm chủ, ứng dụng hiệu quả các công nghệ

a) Rà soát, đề xuất hợp tác nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ với các địa phương có trình độ khoa học và công nghệ, chuyển đổi số phát triển, nhất là các trí tuệ nhân tạo, chuỗi khối (blockchain), Internet kết nối vạn vật (IoT), dữ liệu lớn (Big Data) thuộc lĩnh vực nông nghiệp môi trường trên địa bàn tỉnh.

b) Chủ động đề xuất tổ chức các đoàn tham quan, học hỏi các mô hình chuyển đổi số đã thực hiện thành công ở trong nước để học tập, vận dụng có hiệu quả.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch được bố trí từ ngân sách Nhà nước theo phân cấp hiện hành; nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật để triển khai thực hiện.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trưởng các phòng chuyên môn, trạm thuộc Trung tâm triển khai các nhiệm vụ tại Kế hoạch này đến viên chức, người lao động thuộc phòng/trạm để thực hiện đảm bảo kịp thời, hiệu quả các nhiệm vụ được giao; đồng thời, chủ động tổ chức điều hành, triển khai thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ trên.

Định kỳ trước ngày 15 cuối quý, báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ tại Kế hoạch này cho Lãnh đạo Trung tâm (thông qua phòng Hành chính – Tổng hợp) theo quy định.

2. Giao Phòng Hành chính - Tổng hợp có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc các phòng triển khai thực hiện Kế hoạch; tổng hợp, xây dựng báo cáo định kỳ hàng quý (gửi trước ngày 12 tháng cuối quý) và báo cáo tổng kết năm về kết quả thực hiện chuyển đổi số của Trung tâm theo quy định.

3. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có vấn đề chưa phù hợp với tình hình thực tế tại các phòng, trạm cần thiết phải sửa đổi, bổ sung cho phù hợp thì chủ động báo cáo và đề xuất với Lãnh đạo Trung tâm (*thông qua phòng Hành chính – Tổng hợp*) để xem xét, điều chỉnh

Trên đây là Kế hoạch chuyển đổi số của Trung tâm Khuyến nông năm 2026; yêu cầu các phòng, trạm thuộc Trung tâm tổ chức triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường (để b/c);
- Lãnh đạo Trung tâm;
- Các phòng, trạm thuộc Trung tâm;
- Lưu VT, HCTH (Huy)

GIÁM ĐỐC

Đinh Văn Đang

Phụ lục
PHÂN CÔNG THEO DÕI, THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ NĂM 2026
(Ban hành kèm theo Kế hoạch số /KH-TTKN ngày / /2026 của Trung tâm Khuyến nông)

STT	Nội dung chỉ tiêu	Chủ trì	Phối hợp
1	100% dịch vụ công trực tuyến toàn trình thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở đủ điều kiện được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động	Phòng Hành chính - Tổng hợp	Các phòng, Trạm thuộc Trung tâm
2	100% hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở được số hóa	Phòng Hành chính - Tổng hợp	Các phòng, Trạm thuộc Trung tâm
3	80% hồ sơ công việc được tạo, lưu giữ, chia sẻ dữ liệu điện tử theo quy định	Phòng Hành chính - Tổng hợp	Các phòng, Trạm thuộc Trung tâm
4	100% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (<i>trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước</i>)	Các phòng, Trạm thuộc Trung tâm	Phòng Hành chính - Tổng hợp
5	100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được thực hiện không phụ thuộc vào địa giới hành chính	Phòng Hành chính - Tổng hợp	Các phòng, Trạm thuộc Trung tâm
6	Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong một số dịch vụ công trực tuyến toàn trình thiết yếu đối với thủ tục hành chính	Các phòng, Trạm thuộc Trung tâm	Phòng Hành chính - Tổng hợp
5	100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế – xã hội thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường, phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh, được kết nối, tích hợp và chia sẻ dữ liệu số trên hệ thống thông tin của Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.	Các phòng, Trạm thuộc Trung tâm	Phòng Hành chính - Tổng hợp
6	100% viên chức, người lao động được tham gia đào tạo kỹ năng số cơ bản	Phòng Hành chính - Tổng hợp	Các phòng, Trạm thuộc Trung tâm

STT	Nội dung chỉ tiêu	Chủ trì	Phối hợp
7	Thực hiện cung cấp dữ liệu mở lĩnh vực nông nghiệp và môi trường đầy đủ theo danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh; 100% các cơ quan nhà nước thực hiện cung cấp dữ liệu mở	Phòng Đào tạo và Truyền thông	Các phòng, Trạm thuộc Trung tâm
8	100% hệ thống thông tin của Trung tâm được phê duyệt cấp độ an toàn theo quy định và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ	Phòng Đào tạo và Truyền thông	Các phòng, Trạm thuộc Trung tâm
9	Tham mưu triển khai hồ sơ cấp độ hệ thống mạng LAN và Trang thông tin điện tử của Trung tâm	Phòng Đào tạo và Truyền thông	Các phòng, Trạm thuộc Trung tâm
10	Tham mưu đề xuất và triển khai các giải pháp bảo đảm an ninh, an toàn thông tin theo hồ sơ cấp độ hệ thống thông tin đã được phê duyệt	Phòng Đào tạo và Truyền thông	Các phòng, Trạm thuộc Trung tâm
11	Duy trì vận hành trang thông tin điện tử Trung tâm	Phòng Đào tạo và Truyền thông	Các phòng, Trạm thuộc Trung tâm
12	Tham mưu triển khai hệ thống phòng họp không giấy tờ	Phòng Đào tạo và Truyền thông	Các phòng, Trạm thuộc Trung tâm
13	100% viên chức và người lao động chuyên trách/phụ trách CNTT được tham gia các khóa đào tạo ngắn hạn về kiến thức, kỹ năng an toàn thông tin, xử lý ứng cứu sự cố an toàn mạng	Các phòng, Trạm thuộc Trung tâm	Phòng Hành chính - Tổng hợp
14	100% công chức, viên chức và người lao động được tuyên truyền, phổ biến về thói quen, trách nhiệm và kỹ năng cơ bản bảo đảm an toàn thông tin	Các phòng, Trạm thuộc Trung tâm	Phòng Hành chính - Tổng hợp
15	Mua sắm, nâng cấp, trang bị máy tính cho viên chức, người lao động và hệ thống mạng nội bộ Trung tâm	Phòng Hành chính - Tổng hợp	Các phòng, Trạm thuộc Trung tâm